

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 02-10-2019

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tấn
2. Bà Nguyễn Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Bim, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 02 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 173/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29-8-2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Vi T, sinh năm 1984
2. *Bị đơn:* Anh Phạm Quốc S, sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: Số 384 đường V, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị T có mặt, anh S vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện đề ngày 17-4-2019, các tài liệu có tại hồ sơ nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Vi T trình bày:*

Chị và anh Phạm Quốc S sau thời gian tìm hiểu được 03 năm thì tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện S (nay là phường T, thành phố Q), tỉnh Quảng Ngãi ngày 27-01-2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn và kéo dài đến tháng 7 năm 2015 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do anh S cờ bạc, cá độ bóng đá gây ra nợ nần và bỏ nhà đi nơi khác sinh sống từ tháng 11 năm 2015 đến tháng 12 năm 2018. Trong thời gian anh S đi, anh S không gửi tiền cho chị nuôi con. Từ tháng 01 năm 2019 anh S trở về và sinh sống cùng vợ con nhưng không quan tâm

đến vợ con. Từ tháng 02 năm 2019 cho đến nay, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn do anh S luôn nghi ngờ và không tin tưởng vợ, không chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống và vẫn đam mê cờ bạc, cá độ bóng đá. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn quá trầm trọng và chị không thể sống chung cùng với anh S được nữa nên yêu cầu được ly hôn anh Phạm Quốc S.

Về con chung: Chị và anh S có 02 con chung tên Phạm Phương N, sinh ngày 13-6-2012 và Phạm Phương A, sinh ngày 23-7-2015. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Bị đơn anh Phạm Quốc S không có văn bản trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn là anh Phạm Quốc S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh S.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Vi T và anh Phạm Quốc S tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn S, huyện S (nay là phường T, thành phố Q), tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27-01-2011 nên hôn nhân của chị T và anh S là hợp pháp. Theo chị T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S cờ bạc, cá độ bóng đá gây ra nợ nần và bỏ nhà đi nơi khác sinh sống từ tháng 11 năm 2015 đến tháng 12 năm 2018. Trong thời gian anh S đi, anh S không gửi tiền cho chị nuôi con. Từ tháng 01 năm 2019 anh S trở về và sinh sống cùng vợ con nhưng không quan tâm đến vợ con. Từ tháng 02 năm 2019 cho đến nay, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn do anh S luôn nghi ngờ và không tin tưởng vợ, không chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống và vẫn đam mê cờ bạc, cá độ bóng đá. Về phía anh S, Tòa án đã làm đầy đủ các thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh S theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh S không có văn bản trả lời và cũng không đến Tòa để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị T. Tổ trưởng tổ dân phố và Ủy ban nhân dân phường T đã xác nhận mâu thuẫn giữa chị T và anh S. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Vi T về việc xin ly hôn anh Phạm Quốc S.

[2.2] *Về con chung:* Hiện nay hai con chung tên Phạm Phương N, sinh ngày 13-6-2012 và Phạm Phương A, sinh ngày 23-7-2015 đang sống với chị T. Theo chị T trình bày từ lúc sinh các con ra cho đến nay chị là người trực tiếp chăm lo cho các con, anh S bỏ đi sống nơi khác một thời gian dài không quan tâm đến con và cũng không gửi tiền cho chị nuôi con. Hiện nay các cháu phát triển bình thường, chị T công tác tại Ngân hàng TM TNHH MTV Đ, chi nhánh Q nên thu nhập ổn định, cháu N có nguyện vọng được sống với mẹ nên giao hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Nguyễn Thị Vi T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Vi T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 235, 266, 271, 273 và Điều 278 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Vi T và anh Phạm Quốc S.

2. *Về nuôi con chung*: Giao hai con chung Phạm Phương N, sinh ngày 13-6-2012 và Phạm Phương A, sinh ngày 23-7-2015 cho chị Nguyễn Thị Vi T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phạm Quốc S không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Nguyễn Thị Vi T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Vi T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: AA/2018/0001197 ngày 03-5-2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

5. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP.Q;
- Chi cục THADS TP.Q;
- UBND P. T, TP Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Hồng Hoa